

Số: **497** /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **25** tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về một số nội dung hỗ trợ phát triển
kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng
công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên
địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020 quy định tại Nghị quyết
số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 848/STC-QLNS ngày 24 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Một số nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019 - 2020 theo quy định tại Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

1. Thực hiện việc hỗ trợ xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao

a) *Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong vùng sản xuất*

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiêu mục I.1 Mục I Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ một lần sau đầu tư,

khi khối lượng công việc hoàn thành.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong vùng

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiểu mục I.2 Mục I Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Dự án được hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

- Phương thức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ).

+ Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ).

2. Thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ.

a) Hỗ trợ sản xuất vật tư đầu vào hữu cơ.

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Tiểu mục 1 Mục II Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ một lần sau đầu tư, khi khối lượng công việc hoàn thành.

b) Hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng đất sản xuất nông nghiệp

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Tiểu mục 2 Mục II Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện.

c) Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; Chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ.

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Tiểu mục 3, Tiểu mục 4 Mục II Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện.

d) Các chính sách: Sản xuất lúa hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ sản xuất rau hữu cơ, theo hướng hữu cơ; Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ:

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Tiểu mục 5, 6, 7 Mục II Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh.

Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Theo quy định tại Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành về nông nghiệp hữu cơ.

Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ: Theo văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

Dự án, mô hình được hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện.

3. Thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế gia trại, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Mục III Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Dự án, mô hình được hỗ trợ kinh phí ứng dụng công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

- Phương thức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ)

+ Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ).

4. Thực hiện hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

a) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết:

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiểu mục 1 Mục V Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ một lần sau đầu tư, khi khối lượng công việc hoàn thành.

- Trình tự hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

b) Các chính sách: Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất; Hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiểu mục 2, 3, 4 Mục V Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Phương thức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ)

+ Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ).

- Trình tự hỗ trợ và hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

5. Thực hiện các hỗ trợ khác quy định tại Tiểu mục 1, 2, 3 Mục VI Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NĐ-CP ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

a) *Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.*

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiêu mục 1, 2 Mục VI Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NĐ-CP.

- Phương thức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ một lần sau đầu tư khi khối lượng công việc hoàn thành (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ)

+ Hỗ trợ theo tiến độ thực hiện (theo đề nghị của đối tượng được hưởng hỗ trợ).

b) *Hỗ trợ bảo quản nông sản.*

- Nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ thực hiện theo Tiêu mục 3 Mục VI Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NĐ-CP.

- Phương thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ một lần sau đầu tư, khi khối lượng công việc hoàn thành.

6. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn thương mại để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ hoặc theo chuỗi giá trị quy định tại Tiêu mục 4 Mục VI Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2018/NĐ-CP ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

a) *Điều kiện hỗ trợ.*

Các đối tượng vay vốn thương mại được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Được tổ chức tín dụng cho vay vốn trung, dài hạn (từ 12 tháng trở lên) đầu tư thực hiện các dự án để phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ hoặc theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện một trong các dự án:

+ Dự án sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp;

+ Dự án liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp;

+ Dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ, theo hướng hữu cơ;

+ Dự án sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp;

+ Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp từ vật tư đầu vào đến chế biến nông sản;

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Dự án thu gom, dự trữ, bảo quản, tiêu thụ nông sản trên địa bàn có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân từ 03 năm trở lên; các hoạt động sản xuất kinh doanh có liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có hợp đồng liên kết tiêu thụ từ 05 năm trở lên;

+ Dự án đầu tư trong lĩnh vực chế biến nông sản, lâm sản, thủy, hải sản.

- Các khoản vay có mức vốn vay từ 300 triệu đồng/dự án trở lên, sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ trong hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất; không thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay quá hạn trả nợ gốc, lãi tính từ thời điểm quá hạn, gia hạn nợ và các khoản vay đảo nợ.

- Mức lãi suất cho vay để hỗ trợ

Mức lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng làm cơ sở để ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất là mức lãi suất cho vay thương mại áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ tại thời điểm chi trả tiền hỗ trợ lãi suất được tổ chức tín dụng niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

b) Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ quy định tại Điểm a Khoản này.

- Áp dụng đối với các khoản vay từ ngày Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh có hiệu lực đến trước ngày 31/12/2020 chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác;

- Thời điểm hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

- Thời hạn cho vay được hỗ trợ lãi suất cho mỗi món vay theo thời hạn vay vốn (trong hạn) của khách hàng thể hiện trên hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 12 tháng đối với cho vay trung hạn; tối đa không quá 24 tháng đối với cho vay dài hạn. Số tiền vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ thì không được tính hỗ trợ lãi suất cho khoảng thời gian quá hạn, gia hạn nợ.

- Việc hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng được tiến hành định kỳ 6 tháng trên cơ sở kết quả giải ngân của khoản vay và số lãi tiền vay khách hàng vay vốn đã trả tổ chức tín dụng; ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho khách hàng vay vốn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Lãnh đạo HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Lưu VT; VP2,3,4,5.
- bh.21

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Điển